

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/ HNGĐ- ST

Ngày 24-3-2021

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Chu Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thành

Bà Hoàng Thị Thu Thảo

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 343/2020/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vũ Mạnh T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh H;

Bị đơn: Chị Trạc Thị T, sinh năm 1995

Nơi ĐKKHKT: Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh H;

Nơi ở hiện nay: Khu dân cư H-T, phường C, thành phố C, tỉnh H.

Anh T, chị T đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn và bị đơn trình bày:

Anh T và chị T kết hôn ngày 05-2-2014, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố C, tỉnh H. Trước khi kết hôn, anh chị được tự do tìm hiểu,

tự nguyện kết hôn và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, anh chị về chung sống tại nhà anh T, được thời gian ngắn, anh chị ra ngoài thuê nhà ở riêng ở B, H. Ngay khi chung sống với nhau anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Theo anh T, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T không chịu làm ăn, còn cãi láo với anh và mẹ đẻ anh. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ, mâu thuẫn nhau. Sau mỗi một lần vợ chồng cãi cọ, chị T lại bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở C, C, H sinh sống, sau đó lại về sinh sống cùng với anh. Khi anh và chị T sinh sống, anh chị có lấy trộm xe máy của bố mẹ đẻ chị T nên anh phải đi chấp hành án tại trại giam. Thời gian, anh đi chấp hành án, anh có nghe thông tin chị T có quan hệ với người đàn ông khác. Tuy vậy, khi anh chấp hành án xong về, vợ chồng có ra thuê trọ và sinh sống với nhau một thời gian. Nhưng chị T vẫn không thay đổi tính tình, vẫn tiếp tục hờn láo và không chịu làm ăn. Đến tháng 10 năm 2019, anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T. Theo chị T, mâu thuẫn vợ chồng là do anh T mãi chơi, không chịu lao động, thường xuyên có lời nói chửi bới chị và bố mẹ chị. Khoảng đầu năm 2019, anh T hết thời gian đi chấp hành án về, vợ chồng có về chung sống với nhau thời gian ngắn thì lại phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là anh T không chịu làm ăn, suốt ngày chơi ma túy đá, đêm hôm thì đi trộm chó mèo. Anh T còn nhiều lần chửi chị và con nên chị và con không thể chịu đựng được, chị đã đưa hai con về nhà ngoại sinh sống từ tháng 10 năm 2019 cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T, chị nhất trí ly hôn anh T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Vũ Tuấn H, sinh ngày 01/9/2014 và Vũ Tuấn H2, sinh ngày 22/12/2015, hiện hai cháu đang sinh sống cùng chị T. Khi ly hôn, ban đầu anh T chị T thỏa thuận giao hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Tuy vậy, sau đó anh T thay đổi thỏa thuận, anh T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Tuấn H, giao cháu Vũ Tuấn H2 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung với bên nào. Chị T giữ nguyên quan điểm nhận nuôi hai con chung và có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung với chị là 1.000.000đồng/1con/1 tháng, hai con là 2.000.000đồng/1 tháng. Hiện tại, anh đang làm tại cửa hàng giải khát ở thôn P, xã T, huyện B cùng với mẹ đẻ và là thành viên công ty TNHH T, thu nhập bình quân hàng tháng là 9.000.000đồng, chị T làm nghề bán hàng tự do, thu nhập bình quân hàng tháng là 10.000.000đồng.

Về tài sản chung, nợ: Anh T và chị T đều xác định không có tài sản chung, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ.

Qua xác minh với bà T-mẹ đẻ anh T, bà M-mẹ đẻ chị T, trường Mầm non C, trường Tiểu học C, trường thôn P và Công an xã T, huyện B, tỉnh H xác nhận: Bà H và bà M đều trình bày quá trình anh T và chị T sinh sống phát sinh rất nhiều mâu thuẫn, bất đồng, chửi bới lẫn nhau. Hiện mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, anh chị đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2019 đến nay, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn nhau. Khi ly hôn, bà H đề nghị giao cháu H

cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu H2 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Gia đình bà bán hàng nước giải khát, hàng tháng bà trả cho anh T là 10.000.000đồng, nhà cửa rộng rãi nên có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Bà M đề nghị giao hai con chung của anh chị là cháu H, cháu H2 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, vì các cháu thường xuyên sinh sống cùng với chị T và bà. Vì kể từ những lúc vợ chồng anh chị cãi nhau, chị T bỏ về nhà bà sinh sống, đến khi anh T, chị T phải đi chấp hành án tại trại giam hay đến khi anh chị sống ly thân nhau, hai cháu đều sinh sống tại nhà bà và bà trực tiếp chăm sóc các cháu từ nhỏ cho đến nay. Nếu chị T được nuôi hai con, bà tạo mọi điều kiện cho mẹ con chị T được tiếp tục sinh sống tại nhà bà và hỗ trợ chị T trong việc chăm sóc, nuôi dạy hai cháu. Trường Tiểu học C xác nhận cháu H hiện đang theo học lớp 1C, trường Mầm non C xác nhận cháu H2 hiện đang học lớp 5 tuổi C. Thời gian năm học 2018, 2019, 2020, cháu H, cháu H2 đều theo học tại trường Mầm non C, cuối năm học các cháu đều đạt danh hiệu bé ngoan toàn diện. Trường thôn P và Công an xã T, huyện B xác nhận anh T có nơi cư trú tại thôn P, xã T, huyện B, tỉnh H hiện không có nghề nghiệp ổn định, thường xuyên không có mặt tại nhà. Mẹ đẻ anh T có bán hàng nước nhỏ trước cửa nhà. Anh T có một tiền án về tội Trộm cắp tài sản và hiện đang là đối tượng theo dõi quản lý nghiệp vụ của Công an xã T, huyện B, tỉnh H về hình sự và ma túy.

Tại phiên tòa:

Anh T giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Chị T đồng ý ly hôn anh T, giữ nguyên quan điểm nhận nuôi hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Quan hệ hôn nhân: Cho anh Vũ Đình T được ly hôn với chị Trạc Thị T. Về con chung: Giao hai con chung là Vũ Tuấn H, sinh ngày 01/9/2014 và Vũ Tuấn H2, sinh ngày 22/12/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 4 năm 2021 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Về tài sản chung, nợ: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Anh Vũ Mạnh T khởi kiện xin ly hôn đối với chị Trạc Thị T có địa chỉ cư trú tại phường C, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Mạnh T và chị Trạc Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp. Ngay từ khi bắt đầu sinh sống, anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng về việc sinh hoạt hằng ngày, làm ăn kinh tế, cư xử với hai bên. Anh chị đã có lời lẽ chửi bới, xúc phạm, không tôn trọng và xô xát lẫn nhau. Mặc dù, anh chị vẫn chung sống với nhau đến năm 2019 nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện mà còn nghi ngờ, không tin tưởng ở nhau dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng càng nặng nề, kéo dài. Anh chị không còn quan tâm gì đến nhau cả về tình cảm lẫn kinh tế từ tháng 10 năm 2019 đến nay. Xét mâu thuẫn vợ chồng anh T chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận anh T được ly hôn chị T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Anh chị có 02 con chung là Vũ Tuấn H, sinh ngày 01/9/2014 và Vũ Tuấn H2, sinh ngày 22/12/2015. Xét điều kiện nuôi con của anh chị thì thấy:

Cháu H và cháu H2 đều đang sinh sống ổn định cùng với chị T từ trước đến nay và hiện đang theo học tại trường Tiểu học và trường Mầm non C. Quá trình học tập, các cháu đều được giấy khen bé ngoan toàn diện. Chị T có việc làm, có thu nhập, có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng các cháu. Anh T thường xuyên vắng mặt ở nhà, là đối tượng quản lý của Công an xã về hình sự và ma túy. Hiện nay, cháu H đang học lớp 1, việc giao cháu H cho anh T nuôi dưỡng sẽ làm thay đổi môi trường học tập, sinh sống của cháu. Vì vậy, việc tiếp tục giao hai cháu H và H2 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đảm bảo sự được sự phát triển mọi mặt của các cháu, đảm bảo các cháu được sinh sống ổn định từ trước đến nay cũng như phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của anh chị. Về mức cấp dưỡng, chị T tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên cần được chấp nhận.

[2.3]. Về quan hệ tài sản, nợ: Anh T, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Anh T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Mạnh T.

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Mạnh T ly hôn chị Trạc Thị T.

- Về con chung: Giao hai con chung là Vũ Tuấn H, sinh ngày 01/9/2014 và Vũ Tuấn H2, sinh ngày 22/12/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 4 năm 2021 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh T chấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ: Không đặt ra giải quyết

Về án phí: Anh Vũ Mạnh T phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, đối trừ với số tiền 300.000đồng anh T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0006688 ngày 03/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh H.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố C;
- UBND phường C, thành phố C (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Chi cục THADS thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hương